

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH LỚP 6 CLC TRƯỜNG THCS VÕ THỊ SÁU

KẾT QUẢ BÀI KIỂM TRA NĂNG LỰC HỌC SINH LỚP 6 CHẤT LƯỢNG CAO

Năm học 2026-2027

Phòng số 01



Sĩ số: 25 thí sinh

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS001	Nguyễn Bảo An	17/04/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	26.50	14	25.75	66.25
2	VTS002	Nguyễn Bảo An	28/03/2015	Nữ	TH Nam Đồng	30.50	14	26.00	70.50
3	VTS003	Quách Bảo An	24/10/2015	Nữ	TH Hải Tân	24.00	16	21.75	61.75
4	VTS004	Trần Bảo An	11/09/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	30.00	16	24.25	70.25
5	VTS005	Trần Bảo An	11/04/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	12.50	14	18.00	44.50
6	VTS006	Bùi Bình An	23/10/2015	Nữ	TH Hải Tân	23.00	12	26.75	61.75
7	VTS007	Nguyễn Đức An	12/02/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	20.50	10	17.00	47.50
8	VTS008	Nguyễn Hứa Bảo An	31/01/2015	Nữ	TH Lý Tự Trọng	17.50	16	19.25	52.75
9	VTS009	Hà Khánh An	09/06/2015	Nữ	TH Hải Tân	26.50	12	24.75	63.25
10	VTS010	Nguyễn Khánh An	12/08/2015	Nữ	TH Hải Tân				0.00
11	VTS011	Nguyễn Khánh An	30/10/2015	Nữ	TH Sao Mai	34.00	14	30.00	78.00
12	VTS012	Nguyễn Khánh An	15/03/2015	Nữ	TH Quốc tế Nhật Bản Hải Dương	19.00	12	24.00	55.00
13	VTS013	Vũ Khuê An	10/10/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi	26.50	12	18.25	56.75
14	VTS014	Nguyễn Ngọc Bảo An	19/10/2015	Nữ	TH Hải Tân	33.00	16	35.50	84.50
15	VTS015	Lê Quốc An	22/11/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	20.00	4	18.50	42.50
16	VTS016	Hoàng Thành An	12/02/2015	Nam	TH Tân Bình	34.00	18	20.00	72.00
17	VTS017	Bùi Thị Bảo An	30/01/2015	Nữ	TH Trần Quốc Toản	9.50	16	21.25	46.75
18	VTS018	Hoàng Thị Hải An	10/06/2015	Nữ	TH-THCS-THPT Quốc tế Nhật Bản	22.00	16	28.25	66.25
19	VTS019	Bùi Vũ Tâm An	10/11/2015	Nữ	TH Đặng Quốc Chinh	17.00	14	23.00	54.00
20	VTS020	Lê Vũ Thanh An	24/08/2015	Nữ	TH Cẩm Thượng	8.00	16	19.50	43.50
21	VTS021	Đỗ An Diệu Anh	28/01/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	27.00	14	24.00	65.00
22	VTS022	Đàm Bảo Anh	15/03/2015	Nữ	TH Thạch Khôi	30.50	14	33.25	77.75
23	VTS023	Đỗ Bảo Anh	26/06/2015	Nữ	TH Hải Tân	21.00	16	27.25	64.25
24	VTS024	Nguyễn Bảo Ngọc Anh	16/11/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	17.50	10	29.00	56.50
25	VTS025	Nguyễn Bảo Anh	27/03/2015	Nữ	TH Hải Tân	23.00	16	22.50	61.50

Phòng số 02



Sĩ số:

25 thí sinh

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS026	Phạm Bảo Anh	24/03/2015	Nữ	TH Thanh Bình	25.00	10	11.75	46.75
2	VTS027*	Khuất Bùi Bảo Anh	10/05/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi	6.00	16	13.50	35.50
3	VTS028	Nguyễn Diệu Anh	27/12/2015	Nữ	TH Lý Tự Trọng	31.00	14	32.50	77.50
4	VTS029	Nguyễn Duy Anh	03/05/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	26.50	14	29.00	69.50
5	VTS030	Nguyễn Đặng Thuỳ Anh	11/10/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	22.50	14	16.25	52.75
6	VTS031	Nguyễn Đình Đức Anh	20/06/2015	Nam	TH Ngọc Châu	25.50	12	29.25	66.75
7	VTS032	Trần Đỗ Bảo Anh	30/07/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	30.00	16	32.50	78.50
8	VTS033	Đỗ Đức Anh	20/09/2015	Nam	TH Ái Quốc	27.00	20	29.25	76.25
9	VTS034	Lê Đức Anh	29/10/2015	Nam	TH Sao Mai				0.00
10	VTS035	Phạm Hà Anh	23/03/2015	Nữ	TH Sao Mai	36.00	18	29.50	83.50
11	VTS036	Tiêu Hà Anh	24/10/2015	Nữ	TH Lý Tự Trọng	26.00	8	25.00	59.00
12	VTS037	Nguyễn Hoài Anh	13/05/2015	Nữ	TH Nam Đồng	31.50	20	15.75	67.25
13	VTS038	Nguyễn Hoàng Anh	02/11/2015	Nam	TH Nguyễn Trãi	26.50	16	32.25	74.75
14	VTS039	Phạm Hồng Anh	04/12/2015	Nữ	TH Sao Mai	34.50	18	29.00	81.50
15	VTS040	Cao Huy Đức Anh	24/01/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	36.00	16	30.50	82.50
16	VTS041	Phạm Huy Anh	19/12/2015	Nam	TH Sao Mai	35.50	18	29.75	83.25
17	VTS042	Nguyễn Huyền Anh	02/11/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	29.50	14	30.50	74.00
18	VTS043	Nguyễn Lê Minh Anh	19/06/2014	Nữ	TH Sao Mai	34.00	18	28.25	80.25
19	VTS044	Nguyễn Lê Minh Anh	22/10/2015	Nữ	TH Hải Tân	33.00	18	32.75	83.75
20	VTS045	Trần Linh Anh	28/11/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	27.00	16	32.50	75.50
21	VTS046	Nguyễn Mai Huyền Anh	22/05/2015	Nữ	TH Hải Tân	16.00	10	14.75	40.75
22	VTS047	Đào Minh Anh	01/02/2015	Nữ	TH Bình Minh	27.00	16	22.00	65.00
23	VTS048	Nguyễn Minh Anh	24/07/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	20.00	20	31.00	71.00
24	VTS049	Nguyễn Minh Anh	04/06/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	23.00	10	31.75	64.75
25	VTS050	Phạm Minh Anh	02/01/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi	16.50	12	12.75	41.25

Phòng số 03

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS051	Phạm Minh Anh	10/10/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi				0.00
2	VTS052	Trịnh Minh Anh	18/03/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	20.50	12	29.00	61.50
3	VTS053	Phạm Nam Anh	16/07/2015	Nam	Tiểu học Đinh Văn Tả	23.00	18	16.00	57.00
4	VTS054	Đặng Ngọc Anh	26/10/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	15.50	4	18.25	37.75
5	VTS055	Đặng Ngọc Anh	12/10/2015	Nữ	TH Hải Tân	8.00	8	29.25	45.25
6	VTS056	Đình Ngọc Anh	16/12/2015	Nữ	TH Sao Mai	40.00	16	34.00	90.00
7	VTS057	Đỗ Ngọc Anh	27/10/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	23.50	12	21.00	56.50
8	VTS058	Nguyễn Ngọc Lan Anh	24/08/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	22.50	14	26.00	62.50
9	VTS059	Lê Ngọc Anh	18/07/2015	Nữ	TH Trần Quốc Toàn	29.50	10	22.25	61.75
10	VTS060	Lê Ngọc Minh Anh	30/11/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	8.00	14	14.75	36.75
11	VTS061	Nguyễn Ngọc Minh Anh	24/02/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	27.50	14	33.50	75.00
12	VTS062	Nguyễn Ngọc Minh Anh	25/10/2015	Nữ	Tiểu học Đinh Văn Tả	13.50	10	22.00	45.50
13	VTS063	Vũ Ngọc Minh Anh	20/06/2015	Nữ	TH Hải Tân	24.00	12	20.25	56.25
14	VTS064	Nguyễn Ngọc Anh	12/08/2015	Nữ	TH Hải Tân	22.00	10	24.50	56.50
15	VTS065	Tạ Ngọc Anh	27/03/2015	Nữ	TH Sao Mai	30.50	10	27.75	68.25
16	VTS066	Nguyễn Ngọc Tú Anh	05/11/2015	Nữ	Tiểu học Đinh Văn Tả	22.50	12	25.00	59.50
17	VTS067	Lương Ngọc Trâm Anh	14/03/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	31.00	14	24.50	69.50
18	VTS068	Trần Ngọc Trâm Anh	03/03/2015	Nữ	TH Tân Bình	28.00	16	15.75	59.75
19	VTS069	Trương Ngọc Anh	15/11/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi	18.00	12	33.25	63.25
20	VTS070	Vũ Ngọc Anh	12/06/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	22.00	16	24.25	62.25
21	VTS071	Mai Ngọc Vy Anh	19/02/2015	Nữ	TH Sao Mai	25.00	14	18.00	57.00
22	VTS072	Trần Nguyễn Việt Anh	01/04/2015	Nam	TH Thạch Khôi	25.00	14	24.75	63.75
23	VTS073	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	17/07/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi	25.00	14	29.00	68.00
24	VTS074	Phùng Phan Anh	14/05/2015	Nam	TH Nguyễn Trãi	22.50	6	24.00	52.50
25	VTS075	Bùi Phú Anh	20/08/2015	Nam	TH Tân Bình	22.50	12	29.00	63.50

Phòng số 04

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS076	Nguyễn Phương Anh	05/12/2015	Nữ	TH Sao Mai	31.25	12	28.00	71.25
2	VTS077	Nguyễn Phương Anh	08/07/2015	Nữ	TH Hải Tân	16.00	12	30.00	58.00
3	VTS078	Nguyễn Phương Nhật Anh	24/09/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	20.00	8	20.00	48.00
4	VTS079	Nguyễn Quang Anh	24/04/2015	Nam	TH Hải Tân	38.00	12	27.50	77.50
5	VTS080	Phạm Quang Anh	29/01/2015	Nam	TH Ngọc Châu	34.00	6	29.75	69.75
6	VTS081	Bùi Quốc Anh	18/03/2015	Nam	TH Tô Hiệu	25.00	12	18.25	55.25
7	VTS082	Vương Quốc Anh	26/04/2015	Nam	TH Sao Mai	35.00	14	29.00	78.00
8	VTS083	Đỗ Quỳnh Anh	23/06/2015	Nữ	TH Hải Tân	23.50	10	14.25	47.75
9	VTS084	Lê Quỳnh Anh	09/05/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	25.50	14	22.00	61.50
10	VTS085	Nguyễn Quỳnh Anh	23/07/2015	Nữ	TH Sao Mai	14.00	8	13.00	35.00
11	VTS086	Đàm Tâm Anh	15/03/2015	Nữ	TH Thạch Khôi	17.50	12	19.50	49.00
12	VTS087	Nguyễn Tiến Anh	29/12/2015	Nam	TH Hải Tân	24.50	10	28.75	63.25
13	VTS088	Nguyễn Tiến Anh	02/06/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	15.75	14	24.00	53.75
14	VTS089	Nguyễn Tú Anh	12/02/2015	Nữ	TH Trần Quốc Toàn	26.00	14	30.00	70.00
15	VTS090	Trần Thế Nhật Anh	23/08/2015	Nam	TH Bình Minh	16.00	6	26.50	48.50
16	VTS091	Nguyễn Thị Quế Anh	22/08/2015	Nữ	TH Hải Tân	13.50	4	31.00	48.50
17	VTS092	Lê Thị Quỳnh Anh	29/10/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	17.50	12	22.00	51.50
18	VTS093	Đào Thùy Anh	05/04/2015	Nữ	TH Sao Mai	36.50	10	30.00	76.50
19	VTS094	Bùi Trang Anh	24/05/2015	Nữ	Tiểu học Đinh Văn Tả	23.50	18	26.00	67.50
20	VTS095	Tạ Trâm Anh	02/04/2015	Nữ	TH Đặng Quốc Chinh	16.00	8	25.00	49.00
21	VTS096	Nguyễn Trần Minh Anh	31/05/2015	Nữ	Tiểu học Đinh Văn Tả	19.00	14	26.50	59.50
22	VTS097	Lưu Việt Anh	26/11/2015	Nam	TH Hải Tân	30.00	10	23.00	63.00
23	VTS098	Nguyễn Việt Anh	13/05/2015	Nam	TH Sao Mai	30.00	8	25.25	63.25
24	VTS099	Trương Việt Anh	26/06/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	23.50	14	25.25	62.75
25	VTS100	Nguyễn Vũ Diệp Anh	31/01/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	31.50	18	29.25	78.75

Phòng số 05

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS101	Lê Anh Bảo Bảo	01/01/2015	Nam	TH Hải Tân	22.00	14	18.00	54.00
2	VTS102	Nguyễn Đức Gia Bảo	24/01/2015	Nam	TH Tô Hiệu	26.00	10	23.75	59.75
3	VTS103	Vũ Đức Gia Bảo	21/04/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	23.00	8	14.75	45.75
4	VTS104	Bùi Gia Bảo	04/01/2015	Nam	TH Sao Mai	36.00	10	28.00	74.00
5	VTS105	Đoàn Gia Bảo	29/01/2015	Nam	TH Nguyễn Lương Bằng	27.00	16	25.00	68.00
6	VTS106	Hà Gia Bảo	08/02/2015	Nam	TH Lý Tự Trọng	25.50	16	26.00	67.50
7	VTS107	Hoàng Gia Bảo	15/02/2015	Nam	TH Nam Đồng	9.50	8	24.50	42.00
8	VTS108	Lê Gia Bảo	22/08/2015	Nam	TH Nam Đồng	25.00	14	25.50	64.50
9	VTS109	Nguyễn Gia Bảo	21/09/2015	Nam	TH Sao Mai	34.50	10	28.00	72.50
10	VTS110	Nguyễn Gia Bảo	23/06/2015	Nam	TH Hải Tân	17.50	14	28.00	59.50
11	VTS111	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	15/04/2015	Nam	TH Sao Mai	36.50	16	25.00	77.50
12	VTS112	Nguyễn Kim Gia Bảo	14/07/2015	Nam	TH Bình Minh	35.50	16	23.00	74.50
13	VTS113	Đỗ Ngọc Gia Bảo	18/12/2015	Nam	TH Sao Mai	30.00	16	29.00	75.00
14	VTS114	Nguyễn Nguyễn Thái Bảo	07/02/2015	Nam	TH Tân Hưng	34.00	18	28.00	80.00
15	VTS115	Phạm Quang Bảo	02/06/2015	Nam	TH Thạch Khôi	22.50	10	30.50	63.00
16	VTS116	Phạm Tuấn Bảo	11/09/2015	Nam	TH Hải Tân	26.50	12	25.25	63.75
17	VTS117	Trần Thái Bảo	13/10/2015	Nam	TH Hải Tân	25.50	8	22.25	55.75
18	VTS118	Lê Thiên Bảo	29/08/2015	Nam	TH Ngọc Châu	12.50	8	23.50	44.00
19	VTS119	Bùi Xuân Bảo	26/06/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	10.00	12	16.00	38.00
20	VTS120	Nghiêm Ngọc Bích	02/11/2015	Nữ	TH Hải Tân	18.50	14	21.50	54.00
21	VTS121	Dương Đình Bình	09/06/2015	Nam	TH Hải Tân	32.50	10	29.00	71.50
22	VTS122	Dương Hải Bình	13/11/2015	Nam	TH Nguyễn Trãi	13.50	8	19.00	40.50
23	VTS123	Hồ Hải Bình	27/05/2015	Nam	TH Bình Minh	8.00	12	8.50	28.50
24	VTS124	Trần Đức Công	21/08/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	35.50	18	25.00	78.50
25	VTS125	Nguyễn Mạnh Cường	27/11/2015	Nam	TH Hải Tân				0.00

Phòng số 06

Sĩ số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS126	Nguyễn Quý Mạnh Cường	25/07/2015	Nam	TH Sao Mai	29.00	16	29.50	74.50
2	VTS127	Nguyễn Hà Châu	21/07/2015	Nữ	TH Hải Tân	26.00	20	33.50	79.50
3	VTS128	Bùi Minh Châu	24/08/2015	Nữ	Tiểu học Đinh Văn Tả	28.50	20	34.25	82.75
4	VTS129	Đinh Phạm Bảo Châu	23/01/2015	Nam	TH Sao Mai	32.00	18	29.25	79.25
5	VTS130	Nguyễn Phan Huyền Châu	02/06/2015	Nữ	TH Hải Tân	23.00	12	27.25	62.25
6	VTS131	Đào Thị Bảo Châu	07/09/2015	Nữ	TH Tô Hiệu				0.00
7	VTS132	Nguyễn Thị Bảo Châu	05/11/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	24.50	12	27.00	63.50
8	VTS133	Vũ Thị Hà Châu	20/01/2015	Nữ	TH Thanh Bình	23.50	14	24.50	62.00
9	VTS134	Trương Thị Minh Châu	22/12/2015	Nữ	TH Tân Hưng	22.50	16	25.75	64.25
10	VTS135	Đoàn Hà Chi	22/10/2015	Nữ	TH Hải Tân	20.50	12	24.25	56.75
11	VTS136	Khổng Hà Chi	30/12/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	26.50	12	20.25	58.75
12	VTS137	Bùi Lê Khánh Chi	29/11/2015	Nữ	TH Sao Mai	30.00	14	31.00	75.00
13	VTS138	Đào Linh Chi	04/02/2015	Nữ	TH Thạch Khôi	18.00	14	22.00	54.00
14	VTS139	Nguyễn Ngọc Minh Chi	14/11/2015	Nữ	TH Nguyễn Lương Bằng	27.50	12	23.75	63.25
15	VTS140	Nguyễn Ngọc Phương Chi	01/08/2015	Nữ	TH Hải Tân	36.00	14	22.25	72.25
16	VTS141	Đinh Nguyễn Quỳnh Chi	12/11/2015	Nữ	TH Cẩm Thượng	29.00	18	29.25	76.25
17	VTS142	Lê Phương Chi	14/02/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	32.00	12	30.25	74.25
18	VTS143	Chu Quế Chi	08/08/2015	Nữ	TH-THCS-THPT Quốc tế Nhật Bản Hải Du	17.00	12	29.25	58.25
19	VTS144	Tăng Tùng Chi	14/08/2015	Nữ	TH Hải Tân	14.00	12	23.50	49.50
20	VTS145	Đỗ Thảo Chi	19/02/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	12.00	8	26.50	46.50
21	VTS146	Đàm Thị Bảo Chi	11/04/2015	Nữ	TH Thạch Khôi	11.00	8	4.00	23.00
22	VTS147	Nguyễn Thị Phương Chi	13/08/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	19.50	10	27.75	57.25
23	VTS148	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	10/07/2015	Nữ	TH Tân Hưng	25.00	18	33.00	76.00
24	VTS149	Đoàn Thùy Chi	06/06/2015	Nữ	TH Sao Mai	31.00	16	22.00	69.00
25	VTS150	Vũ Trí Chung	21/05/2015	Nam	TH Newton	27.50	18	30.50	76.00

Phòng số 07

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS151	Bùi Đỗ Bảo Diệp	23/08/2015	Nữ	TH Đặng Quốc Chinh	25.00	14	25.25	64.25
2	VTS152	Lê Kim Diệp	16/04/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	32.00	18	28.50	78.50
3	VTS153	Nguyễn Khuê Diệp	04/10/2015	Nữ	TH Trần Quốc Toán	17.00	12	26.75	55.75
4	VTS154	Bùi Ngọc Diệp	13/03/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	10.00	10	19.75	39.75
5	VTS155	Nguyễn Ngọc Diệp	07/01/2015	Nữ	TH Sao Mai	33.00	14	32.00	79.00
6	VTS156	Phạm Ngọc Diệp	13/02/2015	Nữ	TH Hải Tân	33.00	12	25.25	70.25
7	VTS157	Phạm Thị Ngọc Diệp	06/07/2015	Nữ	Tiểu học Đinh Văn Tả	22.00	20	25.00	67.00
8	VTS158	Nguyễn Anh Dũng	12/10/2015	Nam	TH Tô Hiệu	20.00	12	20.50	52.50
9	VTS159	Nguyễn Chí Dũng	07/12/2015	Nam	TH Hải Tân	31.50	18	20.75	70.25
10	VTS160	Nguyễn Duy Đức Dũng	06/10/2015	Nam	TH Tô Hiệu	19.50	12	22.50	54.00
11	VTS161	Nguyễn Khuê Dung	26/04/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	31.00	16	29.50	76.50
12	VTS162	Nguyễn Mạnh Dũng	21/07/2015	Nam	TH Bình Hàn	15.50	16	16.00	47.50
13	VTS163	Đỗ Quang Dũng	19/03/2015	Nam	TH Sao Mai	31.50	20	26.50	78.00
14	VTS164	Nguyễn Tiến Dũng	20/10/2015	Nam	TH Sao Mai	36.00	16	29.00	81.00
15	VTS165	Tăng Tiến Dũng	18/12/2015	Nam	TH Hải Tân	34.00	20	30.00	84.00
16	VTS166	Trịnh Tiến Dũng	02/11/2015	Nam	TH Tân Bình	24.00	14	16.75	54.75
17	VTS167	Ngô Trí Dũng	19/09/2015	Nam	TH Hải Tân	15.50	18	17.50	51.00
18	VTS168	Đào Trung Dũng	20/01/2015	Nam	TH Hải Tân	27.50	14	27.50	69.00
19	VTS169	Đỗ Trung Dũng	09/05/2015	Nam	TH Tân Bình	22.50	10	17.75	50.25
20	VTS170	Lê Trung Dũng	07/12/2015	Nam	TH Tô Hiệu	31.50	8	19.00	58.50
21	VTS171	Chu Xuân Dũng	31/03/2015	Nam	TH Sao Mai	28.50	12	33.00	73.50
22	VTS172	Nguyễn Khánh Duy	26/12/2015	Nam	TH Hải Tân	36.00	20	27.50	83.50
23	VTS173	Bùi Nhật Duy	16/07/2015	Nam	TH Hải Tân	27.50	10	20.50	58.00
24	VTS174	Tăng Bá Dương	04/08/2015	Nam	TH Tô Hiệu	18.00	12	21.50	51.50
25	VTS175	Nguyễn Đăng Dương	22/04/2015	Nam	TH Thạch Khôi	35.50	12	24.50	72.00

Phòng số 08

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS176	Lê Đình Minh Dương	21/03/2015	Nam	TH Hải Tân	35.50	18	28.25	81.75
2	VTS177	Vũ Ngọc Anh Dương	22/04/2015	Nữ	TH Hải Tân	33.50	16	35.00	84.50
3	VTS178	Nguyễn Ngọc Khánh Dương	03/12/2015	Nữ	TH Thạch Khôi	22.00	12	22.50	56.50
4	VTS179	Phạm Quang Dương	08/03/2015	Nam	TH Ngọc Châu	30.50	6	18.50	55.00
5	VTS180	Lê Thùy Dương	28/10/2015	Nữ	TH Sao Mai	33.50	16	27.00	76.50
6	VTS181	Nguyễn Thùy Dương	04/02/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	32.00	14	30.50	76.50
7	VTS182	Nguyễn Thùy Dương	14/07/2015	Nữ	TH Sao Mai	30.50	20	29.75	80.25
8	VTS183	Phạm Thùy Dương	17/09/2015	Nữ	TH Sao Mai	35.50	16	30.50	82.00
9	VTS184	Nguyễn Đình Đại	21/08/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	30.50	14	25.00	69.50
10	VTS185	Nguyễn Linh Đan	23/03/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	27.00	14	30.00	71.00
11	VTS186	Nguyễn Linh Đan	30/08/2015	Nữ	TH Thanh Bình	30.00	16	24.25	70.25
12	VTS187	Phạm Đức Đạt	18/06/2015	Nam	TH Hải Tân	27.00	16	29.50	72.50
13	VTS188	Nguyễn Quý Đạt	23/03/2015	Nam	TH Nguyễn Trãi	29.00	16	27.50	72.50
14	VTS189	Đỗ Tiến Đạt	07/07/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chính	31.50	12	31.00	74.50
15	VTS190	Đỗ Thành Đạt	08/05/2015	Nam	TH Tân Bình	26.50	14	18.00	58.50
16	VTS191	Lê Thành Đạt	24/05/2015	Nam	TH Sao Mai	18.00	16	17.00	51.00
17	VTS192	Nguyễn Hải Đăng	15/10/2015	Nam	TH Hải Tân	31.00	16	20.50	67.50
18	VTS193	Nguyễn Hải Đăng	18/09/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	28.50	12	30.75	71.25
19	VTS194	Phạm Hải Đăng	21/01/2015	Nam	TH Bình Minh	22.00	14	18.50	54.50
20	VTS195	Đỗ Minh Đăng	21/09/2015	Nam	TH Tô Hiệu	29.00	16	23.00	68.00
21	VTS196	Phạm Anh Đức	13/03/2015	Nam	TH Hải Tân	20.50	6	26.50	53.00
22	VTS197	Đặng Minh Đức	02/11/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	27.50	16	20.00	63.50
23	VTS198	Đỗ Minh Đức	12/02/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	34.00	18	28.00	80.00
24	VTS199	Nguyễn Minh Đức	09/08/2015	Nam	TH Bình Minh	38.00	18	26.25	82.25
25	VTS200	Nguyễn Minh Đức	31/10/2015	Nam	TH Thanh Hà	21.50	16	24.00	61.50

Phòng số 09

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS201	Đặng Quyền Đức	12/10/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	12.50	10	19.50	42.00
2	VTS202	Nghiêm Hà Giang	02/01/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	23.00	20	29.25	72.25
3	VTS203	Phạm Vũ Minh Giang	11/01/2015	Nữ	TH Bình Minh	23.00	12	21.50	56.50
4	VTS204	Nguyễn Khánh Hạ	29/10/2015	Nữ	TH Nhị Châu	18.75	14	24.75	57.50
5	VTS205	Vũ Khánh Hà	10/08/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	25.00	14	26.50	65.50
6	VTS206	Nghiêm Ngân Hà	03/06/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	17.00	14	18.00	49.00
7	VTS207	Nguyễn Ngọc Hà	30/08/2015	Nữ	TH Nam Đồng	23.00	14	27.00	64.00
8	VTS208	Nguyễn Ngọc Thái Hà	03/11/2015	Nữ	TH Thạch Khôi	26.00	18	15.25	59.25
9	VTS209	Trịnh Ngọc Hà	11/04/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	24.50	16	31.25	71.75
10	VTS210	Vũ Nguyễn Khánh Hà	12/10/2015	Nữ	TH Hải Tân	33.00	20	29.75	82.75
11	VTS211	Nguyễn Phương Hà	19/05/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi	17.00	10	31.75	58.75
12	VTS212	Nguyễn Thị Ngân Hà	19/02/2015	Nữ	TH Trần Quốc Toán	22.00	12	26.25	60.25
13	VTS213	Đào Thu Hà	30/04/2015	Nữ	TH Tân Hưng	34.00	16	30.00	80.00
14	VTS214	Nguyễn Việt Hà	02/03/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	18.00	12	28.00	58.00
15	VTS215	Đặng Đức Hải	24/09/2015	Nam	TH Tô Hiệu	31.00	18	28.25	77.25
16	VTS216	Nguyễn Đức Hải	18/06/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	17.00	18	18.00	53.00
17	VTS217	Bùi Viết Hải	22/02/2015	Nam	Tiểu học Đinh Văn Tả	28.50	18	31.25	77.75
18	VTS218	Phạm Hồng Hạnh	31/05/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	22.00	10	21.75	53.75
19	VTS219	Nguyễn Mỹ Hạnh	19/08/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	20.50	16	30.00	66.50
20	VTS220	Vũ Trí Hào	02/12/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	27.50	20	27.75	75.25
21	VTS221	Đặng Thái Hằng	10/06/2015	Nữ	TH Nguyễn Lương Bằng	13.00	14	29.00	56.00
22	VTS222	Phạm Gia Hân	10/07/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	15.50	12	30.00	57.50
23	VTS223	Đàm Ngọc Hân	26/10/2015	Nữ	TH Hải Tân	29.50	20	27.50	77.00
24	VTS224	Đỗ Ngọc Hân	08/03/2015	Nữ	TH Gia Xuyên	28.00	18	22.00	68.00
25	VTS225	Lê Ngọc Hân	23/08/2015	Nữ	TH Phú Lương	29.75	16	28.00	73.75

Phòng số 10

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS226	Phạm Ngọc Hân	14/02/2015	Nữ	TH Hải Tân	34.00	14	27.00	75.00
2	VTS227	Triệu Ngọc Hân	04/07/2015	Nữ	TH Hải Tân	31.50	18	28.00	77.50
3	VTS228	Hoàng Nguyễn Gia Hân	02/12/2015	Nữ	TH Sao Mai	34.00	16	32.00	82.00
4	VTS229	Nguyễn Minh Hiền	14/05/2015	Nam	TH Phú Lương	34.50	16	29.00	79.50
5	VTS230	Tăng Thế Hiền	18/06/2015	Nam	TH Sao Mai	28.50	16	31.00	75.50
6	VTS231	Nguyễn Trọng Hiền	08/10/2015	Nam	TH Newton	26.00	16	30.00	72.00
7	VTS232	Phạm Danh Hoàng Hiệp	19/05/2015	Nam	TH Hải Tân	34.00	20	30.00	84.00
8	VTS233	Cao Minh Hiếu	15/06/2015	Nam	TH Lý Tự Trọng	36.00	18	31.00	85.00
9	VTS234	Nguyễn Huy Hoàng	23/09/2015	Nam	TH Lý Tự Trọng	23.00	14	27.00	64.00
10	VTS235	Lê Hữu Hoàng	25/02/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	14.50	10	23.75	48.25
11	VTS236	Bùi Minh Hoàng	29/01/2015	Nam	TH Bình Minh	27.00	10	24.00	61.00
12	VTS237	Vũ Minh Hoàng	30/01/2015	Nam	TH Trần Quốc Toàn	34.00	16	19.50	69.50
13	VTS238	Nguyễn Việt Hoàng	27/07/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	17.00	18	25.00	60.00
14	VTS239	Nguyễn Xuân Huy Hoàng	26/12/2015	Nam	TH Ngọc Châu	10.50	12	13.50	36.00
15	VTS240	Lê Nguyễn Gia Huệ	23/03/2015	Nữ	TH Bình Minh	10.00	16	26.00	52.00
16	VTS241	Đỗ Mạnh Hùng	17/09/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	18.00	14	24.50	56.50
17	VTS242	Nguyễn Sinh Hùng	24/06/2015	Nam	Tiểu học Đinh Văn Tả	25.50	10	28.00	63.50
18	VTS243	Lê Đức Gia Huy	21/10/2015	Nam	TH Sao Mai	16.50	14	23.25	53.75
19	VTS244	Nguyễn Đức Gia Huy	05/07/2015	Nam	TH Trần Quốc Toàn	11.75	8	22.00	41.75
20	VTS245	Nguyễn Đức Huy	04/12/2015	Nam	TH Ngọc Châu	23.50	10	28.00	61.50
21	VTS246	Phạm Gia Huy	22/04/2015	Nam	TH Tân Hưng	28.50	10	23.00	61.50
22	VTS247	Trương Gia Huy	26/10/2015	Nam	TH Ngọc Châu	23.00	16	28.25	67.25
23	VTS248	Đỗ Quang Huy	11/12/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	17.00	14	21.00	52.00
24	VTS249	Lê Tuấn Huy	26/09/2015	Nam	TH Tân Bình	32.00	16	26.00	74.00
25	VTS250	Trần Khánh Huyền	08/09/2015	Nữ	TH Thanh Bình	22.50	16	32.50	71.00

Phòng số 11

Sĩ số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS251	Nguyễn Phạm Minh Huyền	10/06/2015	Nữ	TH Hải Tân	9.00	8	26.00	43.00
2	VTS252	Vũ Thị Khánh Huyền	02/01/2015	Nữ	TH Sao Mai	31.50	12	31.75	75.25
3	VTS253	Đặng Gia Hưng	27/07/2015	Nam	TH Ngọc Châu	27.50	12	30.00	69.50
4	VTS254	Lê Gia Hưng	25/06/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	25.50	14	28.25	67.75
5	VTS255	Nguyễn Kiến Hưng	10/07/2015	Nam	TH Tân Bình	29.50	20	34.25	83.75
6	VTS256	Nguyễn Nhân Hưng	16/05/2015	Nam	TH Tân Hưng	34.50	10	28.00	72.50
7	VTS257	Trần Phúc Hưng	24/06/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	22.00	10	26.00	58.00
8	VTS258	Đàm Thị Cẩm Hưng	19/05/2015	Nữ	TH Thạch Khôi	25.00	10	32.50	67.50
9	VTS259	Nguyễn Lan Hương	04/04/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi	24.00	12	16.25	52.25
10	VTS260	Nguyễn Thu Hương	03/06/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	12.50	14	29.25	55.75
11	VTS261	Nguyễn Phạm Minh Hy	10/05/2015	Nữ	TH Đặng Quốc Chinh	14.00	8	24.75	46.75
12	VTS262	Đào Chí Kiên	13/04/2015	Nam	TH Tô Hiệu	24.50	8	25.00	57.50
13	VTS263	Trần Đức Kiên	01/03/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	31.25	10	28.00	69.25
14	VTS264	Nguyễn Minh Kiên	06/01/2015	Nam	TH Bình Minh	8.50	6	29.50	44.00
15	VTS265	Nguyễn Trung Kiên	19/12/2015	Nam	TH Sao Mai	36.00	14	23.75	73.75
16	VTS266	Vương Trung Kiên	24/09/2015	Nam	TH Hải Tân	5.00	16	27.00	48.00
17	VTS267	Đoàn Tuấn Kiệt	03/08/2015	Nam	TH Phú Lương	31.50	14	24.00	69.50
18	VTS268	Trần Tuấn Kiệt	23/09/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	19.00	16	27.50	62.50
19	VTS269	Trần Tuấn Kiệt	09/11/2015	Nam	TH Ngọc Châu	20.50	10	22.00	52.50
20	VTS270	Trần Nhã Kỳ	01/12/2015	Nữ	TH Phú Lương				0.00
21	VTS271	Phùng Tuấn Khải	15/09/2015	Nam	TH Ngọc Châu	18.00	16	22.50	56.50
22	VTS272	Bùi Lê Minh Khang	26/11/2015	Nam	TH-THCS-THPT Quốc tế Nhật Bản Hải Dương	12.00	18	20.00	50.00
23	VTS273	Nguyễn Minh Khang	16/05/2015	Nam	TH Tô Hiệu	27.50	16	17.00	60.50
24	VTS274	Nguyễn Ngọc Minh Khang	21/07/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	18.50	6	14.75	39.25
25	VTS275	Đình Nguyên Khang	28/02/2015	Nam	TH Nam Đồng	19.50	8	23.00	50.50

Phòng số 12

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS276	Cao Thái Khang	30/09/2014	Nam	TH Sao Mai	36.00	20	29.00	85.00
2	VTS277	Nguyễn Thế Vĩnh Khang	03/06/2015	Nam	TH Bình Minh	28.00	12	25.25	65.25
3	VTS278	Đình Trọng Nguyên Khang	16/08/2015	Nam	TH Lý Tự Trọng	21.00	12	23.50	56.50
4	VTS279	Phạm Trung Minh Khang	23/10/2015	Nam	TH Bình Minh	20.00	16	18.00	54.00
5	VTS280	Nguyễn Vĩnh Khang	07/10/2015	Nam	TH Ngọc Châu	25.00	14	27.50	66.50
6	VTS281	Đào Duy Khánh	21/09/2015	Nam	TH Nguyễn Trãi	12.50	10	17.00	39.50
7	VTS282	Nguyễn Duy Khánh	17/03/2015	Nam	TH Tân Hưng	26.00	16	23.00	65.00
8	VTS283	Bùi Gia Khánh	22/04/2015	Nam	TH Trần Quốc Toản	28.00	14	18.00	60.00
9	VTS284	Dương Gia Khánh	05/05/2015	Nam	TH Ngọc Châu	22.00	2	15.00	39.00
10	VTS285	Nguyễn Gia Khánh	18/01/2015	Nam	TH Tân Bình	27.50	16	28.50	72.00
11	VTS286	Nguyễn Gia Khánh	18/12/2015	Nam	TH Nguyễn Trãi	19.00	10	15.25	44.25
12	VTS287	Nguyễn Gia Khánh	28/12/2015	Nam	TH Nam Đồng	31.50	18	26.00	75.50
13	VTS288	Phạm Hải Khánh	04/06/2015	Nam	TH Bình Minh	33.00	18	23.00	74.00
14	VTS289	Lê Ngân Khánh	08/12/2015	Nữ	TH Sao Mai	29.50	12	24.75	66.25
15	VTS290	Dương Nhã Khanh	30/01/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	24.50	12	17.50	54.00
16	VTS291	Bùi Thị Kim Khánh	13/08/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	30.00	14	32.75	76.75
17	VTS292	Nguyễn Trần Gia Khánh	25/07/2015	Nam	TH Tân Bình	21.50	10	25.50	57.00
18	VTS293	Phạm Duy Khiêm	17/07/2015	Nam	TH Sao Mai	30.00	16	28.00	74.00
19	VTS294	Đoàn Anh Khoa	20/09/2015	Nam	TH Phú Lương	24.50	16	18.50	59.00
20	VTS295	Đoàn Anh Khoa	09/11/2015	Nam	TH Hải Tân	16.00	6	17.50	39.50
21	VTS296	Vũ Anh Khoa	27/07/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	17.50	12	11.50	41.00
22	VTS297	Phạm Duy Khoa	01/09/2015	Nam	TH Nguyễn Trãi	33.00	18	25.00	76.00
23	VTS298	Nguyễn Đăng Khoa	23/12/2015	Nam	TH Sao Mai	24.50	16	17.50	58.00
24	VTS299	Phạm Đăng Khôi	10/06/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	12.00	10	16.50	38.50
25	VTS300	Trần Đình Nguyên Khôi	22/09/2015	Nam	TH Hải Tân	22.00	14	24.00	60.00

Phòng số 13

Sĩ số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS301	Vũ Nguyễn Khôi	30/08/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	21.00	8	20.00	49.00
2	VTS302	Nguyễn Kim Khuê	16/04/2015	Nam	TH Hải Tân	32.00	12	28.50	72.50
3	VTS303	Ngô Minh Khuê	23/01/2015	Nam	TH Phú Lương	33.00	20	25.00	78.00
4	VTS304	Nguyễn Tùng Lam	27/12/2015	Nam	TH Trần Quốc Toàn	28.50	20	20.00	68.50
5	VTS305	Nguyễn Thanh Lam	14/12/2015	Nữ	TH Trần Quốc Toàn	20.50	16	29.75	66.25
6	VTS306	Trịnh Hương Lan	07/11/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	32.00	12	33.50	77.50
7	VTS307	Phạm Tuyết Lan	23/06/2015	Nữ	TH Sao Mai	25.50	18	34.50	78.00
8	VTS308	Hoàng Thị Ngọc Lan	07/05/2015	Nữ	TH Thạch Khôi	26.50	14	34.75	75.25
9	VTS309	Trương Đình Lâm	23/09/2015	Nam	Tiểu học Đình Văn Tả	22.50	16	30.00	68.50
10	VTS310	Vũ Hải Lâm	29/09/2015	Nam	TH Hải Tân	35.50	20	25.00	80.50
11	VTS311	Vũ Hoàng Lâm	28/10/2015	Nam	TH Phú Lương	16.50	12	23.25	51.75
12	VTS312	Nguyễn Quang Lâm	31/12/2015	Nam	TH Ngọc Châu	26.00	10	28.25	64.25
13	VTS313	Đàm Tuệ Lâm	03/11/2015	Nữ	TH Thạch Khôi	28.50	12	28.00	68.50
14	VTS314	Nguyễn Tùng Lâm	08/12/2015	Nam	TH Hải Tân	35.00	18	26.00	79.00
15	VTS315	Phạm Tùng Lâm	15/11/2015	Nam	TH Hải Tân	22.00	18	20.00	60.00
16	VTS316	Đoàn Thanh Lâm	04/02/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	31.00	16	26.00	73.00
17	VTS317	Đỗ Vũ Lâm	23/09/2015	Nam	TH Hải Tân	30.50	4	14.50	49.00
18	VTS318	Nguyễn Bích Liên	20/03/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	18.00	6	31.50	55.50
19	VTS319	Nguyễn Phương Liên	30/11/2015	Nữ	TH Nam Đồng	0.50	4	19.00	23.50
20	VTS320	Nguyễn Thảo Liên	30/11/2015	Nữ	TH Nam Đồng	3.00	6	26.00	35.00
21	VTS321	Bùi Gia Linh	29/07/2015	Nữ	TH Hải Tân	21.00	16	26.75	63.75
22	VTS322	Nguyễn Gia Linh	07/01/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	32.00	18	35.00	85.00
23	VTS323	Trần Hà Linh	18/09/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	23.50	10	28.75	62.25
24	VTS324	Nguyễn Khánh Linh	25/08/2015	Nữ	TH Hải Tân	24.50	16	31.75	72.25
25	VTS325	Phạm Khánh Linh	01/12/2015	Nữ	TH Lý Tự Trọng				

Phòng số 14

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS326	Trần Khánh Linh	12/12/2015	Nữ	TH Văn An	26.00	16	19.50	61.50
2	VTS327	Vũ Khánh Linh	14/01/2015	Nữ	TH Cẩm Thượng	24.00	18	29.00	71.00
3	VTS328	Nguyễn Lê Nhật Linh	22/12/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	22.50	20	29.00	71.50
4	VTS329	Lê Mỹ Linh	15/09/2015	Nữ	TH Sao Mai	32.00	16	33.00	81.00
5	VTS330	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	27/05/2015	Nữ	TH Sao Mai	33.50	16	29.00	78.50
6	VTS331	Nguyễn Ngọc Tú Linh	12/02/2015	Nữ	TH Sao Mai	33.00	14	29.00	76.00
7	VTS332	Lê Nguyễn Hà Linh	12/10/2015	Nữ	TH Sao Mai	36.00	16	29.00	81.00
8	VTS333	Nguyễn Tú Linh	06/04/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	26.50	16	31.25	73.75
9	VTS334	Phạm Thị Hà Linh	02/06/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	32.00	14	27.00	73.00
10	VTS335	Bùi Thị Nhật Linh	31/12/2015	Nữ	TH Phú Lương	15.00	16	18.00	49.00
11	VTS336	Phạm Thị Phương Linh	02/06/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	27.00	16	24.50	67.50
12	VTS337	Đoàn Trúc Linh	17/10/2015	Nữ	TH Hải Tân	26.50	14	24.50	65.00
13	VTS338	Nguyễn Vũ Gia Linh	05/02/2015	Nữ	TH Phú Lương	25.50	18	25.50	69.00
14	VTS339	Phạm Hải Long	10/01/2015	Nam	TH Sao Mai	26.00	12	24.00	62.00
15	VTS340	Vũ Kim Luân	19/07/2015	Nam	TH Ngọc Châu	31.00	18	23.75	72.75
16	VTS341	Nguyễn Minh Luân	14/01/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	26.50	8	22.25	56.75
17	VTS342	Vũ Mai Ly	25/08/2015	Nữ	TH Cẩm Thượng	25.50	16	22.75	64.25
18	VTS343	Nguyễn Ngọc Mai	23/11/2015	Nữ	TH Tân Hưng	14.50	16	9.75	40.25
19	VTS344	Nguyễn Ngọc Thanh Mai	29/06/2015	Nữ	TH Đặng Quốc Chinh	28.50	16	30.50	75.00
20	VTS345	Nguyễn Thúy Mai	05/11/2015	Nữ	TH Hải Tân	10.50	12	21.25	43.75
21	VTS346	Phạm Anh Minh	15/11/2015	Nam	Tiểu học Đinh Văn Tả	13.00	10	14.00	37.00
22	VTS347	Nguyễn Bình Minh	18/04/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	30.00	14	29.50	73.50
23	VTS348	Phạm Bình Minh	20/02/2015	Nam	TH Trần Quốc Toàn	34.00	18	29.25	81.25
24	VTS349	Vũ Duy Đức Minh	24/07/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	29.50	14	25.75	69.25
25	VTS350	Phạm Duy Minh	13/07/2015	Nam	TH Hải Tân	34.00	18	29.75	81.75

Phòng số 15

Số: 25 thí sinh

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS351	Mai Đức Minh	20/07/2015	Nam	TH Tân Bình	18.00	12	29.75	59.75
2	VTS352	Vũ Đức Minh	14/06/2015	Nam	TH Sao Mai	23.00	8	21.75	52.75
3	VTS353	Bùi Gia Minh	03/06/2015	Nam	TH Lý Tự Trọng	26.00	14	25.25	65.25
4	VTS354	Mạc Hải Minh	19/11/2015	Nam	TH Nguyễn Trãi	27.50	18	23.00	68.50
5	VTS355	Nguyễn Hoàng Minh	12/03/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	24.00	16	30.25	70.25
6	VTS356	Vũ Hoàng Nhật Minh	10/05/2015	Nam	TH Ngọc Châu	36.00	16	28.25	80.25
7	VTS357	Hoàng Hồng Minh	21/12/2015	Nữ	TH Sao Mai	35.50	16	30.50	82.00
8	VTS358	Tạ Huyền Minh	21/03/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	30.00	16	27.50	73.50
9	VTS359	Trần Hưng Minh	16/01/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	22.00	10	20.50	52.50
10	VTS360	Vũ Khuê Minh	09/10/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi	36.00	12	26.75	74.75
11	VTS361	Nguyễn Lê Tuệ Minh	19/09/2015	Nữ	TH Ái Quốc	24.50	16	21.00	61.50
12	VTS362	Bùi Nhật Minh	20/06/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	22.50	12	15.00	49.50
13	VTS363	Phạm Nhật Minh	24/02/2015	Nam	TH Hải Tân	23.50	16	12.25	51.75
14	VTS364	Nguyễn Quang Minh	08/08/2015	Nam	TH Hải Tân	22.00	18	25.75	65.75
15	VTS365	Nguyễn Quang Minh	21/05/2015	Nam	TH Hải Tân	22.00	16	20.75	58.75
16	VTS366	Nguyễn Quang Minh	01/05/2015	Nam	TH Hải Tân	27.50	14	33.75	75.25
17	VTS367	Phạm Quang Minh	01/01/2015	Nam	TH Phú Lương	29.00	14	23.75	66.75
18	VTS368	Nguyễn Tiến Minh	18/12/2015	Nam	TH Lý Tự Trọng	27.50	16	22.75	66.25
19	VTS369	Hoàng Tuệ Minh	21/07/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	17.50	10	26.50	54.00
20	VTS370	Phạm Thái Minh	14/03/2015	Nam	TH Tô Hiệu	33.00	4	24.00	61.00
21	VTS371	Đặng Thu Minh	21/05/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	11.00	12	28.50	51.50
22	VTS372	Hà Thu Minh	27/11/2015	Nữ	TH Hải Tân	23.00	12	28.25	63.25
23	VTS373	Đinh Dương Diễm My	16/01/2015	Nữ	TH Bình Minh	16.00	12	25.00	53.00
24	VTS374	Dương Hà My	12/06/2015	Nữ	TH Nguyễn Lương Bằng	24.50	18	28.00	70.50
25	VTS375	Nguyễn Hà My	24/02/2015	Nữ	TH Đặng Quốc Chinh	25.00	18	24.50	67.50

Phòng số 16

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS376	Nguyễn Hoàng My	06/01/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	25.50	16	29.25	70.75
2	VTS377	Nguyễn Ngọc Hà My	14/08/2015	Nữ	TH Tân Hưng	32.00	20	30.50	82.50
3	VTS378	Nguyễn Trà My	14/10/2015	Nữ	TH Bình Minh	34.00	12	22.00	68.00
4	VTS379	Vũ Bá Nam	14/09/2015	Nam	TH Hải Tân	30.00	16	22.00	68.00
5	VTS380	Nguyễn Bảo Nam	05/06/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	35.00	18	27.00	80.00
6	VTS381	Trần Bảo Nam	27/08/2015	Nam	TH Sao Mai	31.00	16	29.00	76.00
7	VTS382	Trần Bảo Nam	22/10/2015	Nam	TH Hải Tân	27.00	8	28.25	63.25
8	VTS383	Trương Bảo Nam	23/08/2015	Nam	Tiểu học Đinh Văn Tả	28.00	18	23.50	69.50
9	VTS384	Lê Đỗ Bảo Nam	03/06/2015	Nam	TH Ngọc Châu	32.00	18	27.25	77.25
10	VTS385	Nguyễn Ngọc Bảo Nam	22/12/2015	Nam	TH Bình Minh	25.50	18	30.50	74.00
11	VTS386	Bùi Quý Nhật Nam	29/03/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	7.50	10	13.00	30.50
12	VTS387	Đặng Phương Nga	03/08/2015	Nữ	TH Tân Bình	23.00	12	30.50	65.50
13	VTS388	Lê Phương Nga	01/11/2015	Nữ	TH Thạch Khôi	30.50	12	25.00	67.50
14	VTS389	Mạc Phương Nga	27/06/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	22.50	12	26.25	60.75
15	VTS390	Phạm Thanh Nga	19/05/2015	Nữ	TH Nguyễn Lương Bằng	29.00	14	31.75	74.75
16	VTS391	Bùi Kim Ngân	19/05/2015	Nữ	TH Phú Lương	12.50	8	14.50	35.00
17	VTS392	Nguyễn Khánh Ngân	19/09/2015	Nữ	TH Đặng Quốc Chinh	27.00	18	29.25	74.25
18	VTS393	Phạm Khánh Ngân	26/08/2015	Nữ	TH Hải Tân	29.50	12	27.25	68.75
19	VTS394	Nguyễn Quỳnh Ngân	11/10/2015	Nữ	TH Hải Tân	3.00	12	32.00	47.00
20	VTS395	Phạm Gia Nghĩa	06/03/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	26.50	10	27.00	63.50
21	VTS396	Nguyễn Hữu Nhân Nghĩa	03/08/2015	Nam	TH Sao Mai	28.00	8	26.00	62.00
22	VTS397	Nguyễn Phạm Tú Nghiê	16/05/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi	24.50	18	23.00	65.50
23	VTS398	Nguyễn Bảo Ngọc	02/11/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	21.50	8	12.00	41.50
24	VTS399	Vũ Bảo Ngọc	19/11/2015	Nữ	TH Đặng Quốc Chinh	19.50	14	27.25	60.75
25	VTS400	Bùi Gia Ngọc	07/05/2015	Nữ	TH Sao Mai	31.50	18	27.00	76.50

Phòng số 17

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS401	Phạm Hoàng Bảo Ngọc	09/01/2015	Nữ	TH Hải Tân	14.00	8	22.00	44.00
2	VTS402	Nguyễn Huy Ngọc	01/01/2015	Nam	TH Tô Hiệu	20.00	12	30.00	62.00
3	VTS403	Lê Minh Ngọc	15/02/2015	Nữ	TH Lý Tự Trọng	31.00	12	32.75	75.75
4	VTS404	Trịnh Minh Ngọc	12/09/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	22.00	14	30.00	66.00
5	VTS405	Vũ Minh Ngọc	26/08/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	31.00	14	26.25	71.25
6	VTS406	Bùi Khôi Nguyên	21/07/2015	Nam	TH Tô Hiệu	25.50	16	27.75	69.25
7	VTS407	Nguyễn Phương Nguyên	24/02/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	18.50	12	27.50	58.00
8	VTS408	Vũ Minh Nguyệt	24/02/2015	Nữ	TH Phú Lương	26.00	20	31.25	77.25
9	VTS409	Trịnh Quyền Nhân	14/10/2015	Nữ	TH Sao Mai	33.50	16	30.25	79.75
10	VTS410	Hồ Đức Nhân	16/07/2015	Nam	TH Bình Minh	13.00	6	10.25	29.25
11	VTS411	Nguyễn Minh Nhật	18/01/2015	Nam	TH Tô Hiệu	31.50	14	23.75	69.25
12	VTS412	Nguyễn Tiến Nhật	22/02/2015	Nam	TH Hải Tân	35.00	16	26.50	77.50
13	VTS413	Nguyễn Hiền Nhi	21/09/2015	Nữ	TH Hải Tân	20.50	6	29.75	56.25
14	VTS414	Ninh Hoàng Thảo Nhi	01/06/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	29.50	18	28.00	75.50
15	VTS415	Dương Hoàng Yến Nhi	30/03/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	25.00	14	31.00	70.00
16	VTS416	Phạm Khánh Nhi	04/03/2015	Nữ	TH Bình Hàn	27.00	14	34.00	75.00
17	VTS417	Nguyễn Lê Ngọc Nhi	07/09/2015	Nữ	Tiểu học Đinh Văn Tả	32.50	18	21.50	72.00
18	VTS418	Đặng Linh Nhi	23/01/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	16.50	14	19.00	49.50
19	VTS419	Công Nữ Bảo Nhi	11/10/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	20.00	14	18.50	52.50
20	VTS420	Trần Ngọc Bảo Nhi	22/12/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	9.00	10	17.00	36.00
21	VTS421	Cao Quỳnh Nhi	21/04/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	9.50	16	23.00	48.50
22	VTS422	Nguyễn Tuệ Nhi	21/11/2015	Nữ	TH Sao Mai	33.00	16	23.50	72.50
23	VTS423	Đặng Tuyết Nhi	30/03/2015	Nữ	TH Thạch Khôi	37.50	14	33.00	84.50
24	VTS424	Nguyễn Thị Phương Nhi	02/12/2015	Nữ	TH Bình Minh	13.50	8	24.50	46.00
25	VTS425	Nguyễn Thị Yến Nhi	12/09/2015	Nữ	TH Thạch Khôi	8.50	8	17.50	34.00

Phòng số 18

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS426	Nguyễn Yên Nhi	04/05/2015	Nữ	TH Hải Tân	23.00	16	25.00	64.00
2	VTS427	Phạm Yên Nhi	19/02/2015	Nữ	TH Hải Tân	31.00	18	35.25	84.25
3	VTS428	Lương An Nhiên	30/09/2015	Nữ	TH Sao Mai	29.00	6	28.25	63.25
4	VTS429	Hoàng Phương Nhung	07/03/2015	Nữ	TH Đặng Quốc Chinh	25.00	12	28.00	65.00
5	VTS430	Đỗ Hà Như	19/07/2015	Nữ	TH Nam Đồng	19.00	16	21.50	56.50
6	VTS431	Đinh Hoàng Quỳnh Như	30/11/2015	Nữ	TH Cẩm Thượng	13.00	8	26.00	47.00
7	VTS432	Đinh Nguyễn Tâm Như	25/05/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	22.00	8	29.50	59.50
8	VTS433	Nguyễn Thị Châu Oanh	19/09/2015	Nữ	TH Lý Tự Trọng	9.50	12	22.50	44.00
9	VTS434	Vũ Hoàng Gia Phát	07/09/2015	Nam	TH Sao Mai	25.50	6	30.25	61.75
10	VTS435	Đỗ Quang Phát	13/02/2015	Nam	TH Tô Hiệu	27.00	12	28.00	67.00
11	VTS436	Nguyễn Cảnh Phong	09/12/2015	Nam	TH Tô Hiệu	30.50	18	31.75	80.25
12	VTS437	Trần Đại Phong	18/01/2015	Nam	TH Bình Hàn	29.50	18	28.25	75.75
13	VTS438	Diệp Gia Phong	27/01/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	15.00	8	14.25	37.25
14	VTS439	Hoàng Hải Phong	23/04/2015	Nam	Tiểu học Nhân Chính	3.00	16	16.50	35.50
15	VTS440	Nguyễn Hải Phong	20/02/2015	Nam	TH Thạch Khôi	29.50	18	32.25	79.75
16	VTS441	Trần Huy Phong	05/11/2015	Nam	TH Tô Hiệu	26.50	18	28.75	73.25
17	VTS442	Nguyễn Hữu Phong	31/07/2015	Nam	TH Sao Mai	22.00	8	26.50	56.50
18	VTS443	Trần Nhật Quốc Phong	10/11/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	30.00	16	26.25	72.25
19	VTS444	Đinh Vũ Hải Phong	02/12/2015	Nam	TH Tô Hiệu	34.00	16	30.50	80.50
20	VTS445	Phạm Bảo Phúc	22/05/2015	Nam	TH Nguyễn Trãi	22.50	18	30.50	71.00
21	VTS446	Nguyễn Bùi Minh Phúc	13/12/2015	Nam	TH Hải Tân	27.50	10	34.00	71.50
22	VTS447	Bùi Đức Phúc	24/08/2015	Nam	TH Tô Hiệu	17.25	14	29.00	60.25
23	VTS448	Dương Đức Phúc	02/09/2015	Nam	TH Hải Tân	22.00	10	26.25	58.25
24	VTS449	Trần Bảo Phương	15/11/2015	Nữ	TH Trần Quốc Toàn	29.50	18	25.00	72.50
25	VTS450	Mai Hà Phương	23/02/2015	Nữ	TH Tân Hưng	22.50	14	34.50	71.00

Phòng số 19

Số số: 25 thí sinh

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS451	Nguyễn Hà Phương	29/10/2015	Nữ	TH Trần Quốc Toàn	31.50	16	28.75	76.25
2	VTS452	Lã Minh Phương	09/09/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	34.00	20	26.25	80.25
3	VTS453	Phạm Nhi Phương	07/07/2015	Nữ	TH Sao Mai	14.00	10	19.50	43.50
4	VTS454	Đỗ Thanh Phương	17/03/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	24.00	10	18.75	52.75
5	VTS455	Phạm Thanh Phương	15/04/2015	Nữ	TH Tân Hưng	35.50	16	34.00	85.50
6	VTS456	Đồng Thị Thu Phương	23/08/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	22.00	18	21.00	61.00
7	VTS457	Nguyễn Đức Quang	23/04/2015	Nam	TH Hải Tân	33.50	14	25.75	73.25
8	VTS458	Lê Minh Quang	29/05/2015	Nam	TH Ngọc Châu	18.50	18	23.50	60.00
9	VTS459	Nguyễn Minh Quang	10/04/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	27.50	20	29.00	76.50
10	VTS460	Trần Anh Quân	06/02/2015	Nam	TH Tô Hiệu	25.25	12	25.50	62.75
11	VTS461	Nguyễn Bảo Quân	09/08/2015	Nam	TH Lý Tự Trọng	29.00	12	29.50	70.50
12	VTS462	Nguyễn Hoàng Nhật Quân	02/07/2015	Nam	TH Tân Bình	4.00	14	19.00	37.00
13	VTS463	Phạm Hữu Quân	28/05/2015	Nam	TH Trần Quốc Toàn	18.00	12	26.50	56.50
14	VTS464	Đoàn Minh Quân	01/06/2015	Nam	TH Lý Tự Trọng	33.00	12	26.50	71.50
15	VTS465	Lê Minh Quân	12/02/2015	Nam	TH Bình Minh	24.00	10	27.25	61.25
16	VTS466	Nguyễn Minh Quân	28/02/2015	Nam	TH Ngọc Châu	27.50	14	25.50	67.00
17	VTS467	Phạm Bảo Quyên	02/05/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	28.50	10	24.00	62.50
18	VTS468	Tăng Bá Sơn	26/04/2015	Nam	TH Ngọc Châu	33.00	18	28.75	79.75
19	VTS469	Phạm Cao Sơn	20/10/2015	Nam	TH Hải Tân	29.00	14	23.00	66.00
20	VTS470	Phan Thái Sơn	27/03/2015	Nam	TH Tô Hiệu	20.50	14	23.50	58.00
21	VTS471	Nguyễn Trọng Tài	16/06/2015	Nam	TH Lý Tự Trọng	34.00	16	26.00	76.00
22	VTS472	Nguyễn Thành Tâm	18/08/2015	Nam	TH Hải Tân	30.00	16	26.75	72.75
23	VTS473	Nguyễn Duy Tiền	01/06/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	4.00	8	23.00	35.00
24	VTS474	Nguyễn Phan Anh Tú	28/01/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	15.00	8	24.50	47.50
25	VTS475	Nguyễn Phúc Tú	15/07/2015	Nam	TH Sao Mai	18.00	6	20.00	44.00

Phòng số 20

Số: 25 thí sinh



STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS476	Trần Tuấn Tú	21/12/2015	Nam	TH Hải Tân	22.50	8	27.00	57.50
2	VTS477	Đông Thị Thanh Tú	25/08/2015	Nữ	TH Hải Tân	29.00	14	30.00	73.00
3	VTS478	Nguyễn Văn Tú	29/05/2015	Nam	TH Sao Mai	24.50	8	22.00	54.50
4	VTS479	Mai Anh Tuấn	22/01/2015	Nam	TH Ngọc Châu	15.50	12	14.50	42.00
5	VTS480	Vũ Anh Tuấn	17/03/2015	Nam	TH Ngọc Châu	33.00	20	22.00	75.00
6	VTS481	Bùi Minh Tuấn	21/04/2015	Nam	TH Tân Bình	21.50	12	22.00	55.50
7	VTS482	Đào Huy Tùng	04/06/2015	Nam	TH Phú Lương	12.00	16	26.50	54.50
8	VTS483	Nguyễn Quang Tùng	11/08/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	24.50	16	18.50	59.00
9	VTS484	Phạm Quang Tùng	30/11/2015	Nam	TH Ngọc Châu	36.00	16	26.50	78.50
10	VTS485	Nguyễn Công Thành	31/07/2015	Nam	TH Tân Bình	23.00	14	22.50	59.50
11	VTS486	Nguyễn Duy Đức Thành	06/10/2015	Nam	TH Tô Hiệu	12.00	12	16.00	40.00
12	VTS487	Tiêu Đức Thành	11/01/2015	Nam	TH Đặng Quốc Chinh	9.50	14	21.00	44.50
13	VTS488	Phạm Gia Thành	23/04/2015	Nam	TH Võ Thị Sáu	29.50	4	15.00	48.50
14	VTS489	Nguyễn Diệu Thảo	26/01/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	28.50	10	28.00	66.50
15	VTS490	Nguyễn Hương Thảo	02/11/2015	Nữ	TH Hải Tân	32.00	16	36.00	84.00
16	VTS491	Nguyễn Hương Thảo	12/01/2015	Nữ	TH Nguyễn Lương Bằng	22.00	14	25.75	61.75
17	VTS492	Nguyễn Phương Thảo	28/02/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	2.00	16	29.75	47.75
18	VTS493	Trịnh Phương Thảo	18/07/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	22.00	18	27.00	67.00
19	VTS494	Nguyễn Thanh Thảo	29/07/2015	Nữ	TH Hải Tân	23.50	14	27.00	64.50
20	VTS495	Lương Thị Thanh Thảo	03/01/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	34.00	18	34.00	86.00
21	VTS496	Phan Thu Thảo	04/09/2015	Nữ	TH Bình Hàn	15.00	14	16.50	45.50
22	VTS497	Lê Vũ Việt Thảo	07/11/2015	Nữ	TH Nguyễn Lương Bằng	26.00	16	21.50	63.50
23	VTS498	Lê Tiến Thắng	14/11/2015	Nam	TH Nam Đồng	28.75	12	25.50	66.25
24	VTS499	Ngô Hạo Thiên	06/12/2015	Nam	TH Nguyễn Lương Bằng	23.50	8	19.50	51.00
25	VTS500	Ngô Ngọc Thiện	21/06/2015	Nam	TH Tô Hiệu	14.00	14	31.00	59.00

Phòng số 21

Số: 22 thí sinh

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS501	Nguyễn Tiến Thiện	24/03/2015	Nam	TH Ngọc Châu	36.00	18	29.50	83.50
2	VTS502	Nguyễn Ngọc Minh Thủy	30/09/2015	Nữ	TH Hải Tân	8.00	12	12.00	32.00
3	VTS503	Nguyễn Thanh Thủy	30/01/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	20.00	6	26.50	52.50
4	VTS504	Phạm Anh Thư	26/05/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi	27.00	16	30.50	73.50
5	VTS505	Lê Đỗ Anh Thư	26/02/2015	Nữ	TH Đặng Quốc Chinh	27.00	14	27.50	68.50
6	VTS506	Nguyễn Ngọc Minh Thư	20/05/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	18.50	20	27.75	66.25
7	VTS507	Đỗ Phạm Huyền Thư	18/01/2015	Nữ	TH Hải Tân	27.00	12	30.50	69.50
8	VTS508	Bùi Nguyễn Bảo Thy	23/02/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	24.50	12	28.50	65.00
9	VTS509	Nguyễn Hà Trang	06/12/2015	Nữ	TH Hải Tân	33.00	14	30.00	77.00
10	VTS510	Trần Huyền Trang	24/05/2015	Nữ	TH Tiên Tiến	29.00	12	22.75	63.75
11	VTS511	Kim Minh Trang	09/08/2015	Nữ	TH Tân Bình	14.00	8	17.00	39.00
12	VTS512	Đoàn Hà Bảo Trâm	09/09/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi	20.00	8	27.00	55.00
13	VTS513	Đoàn Minh Trí	17/12/2015	Nam	TH Ngọc Châu	29.00	14	28.75	71.75
14	VTS514	Nguyễn Minh Trí	20/04/2015	Nam	TH Phú Lương	28.00	14	26.00	68.00
15	VTS515	Nguyễn Thanh Trúc	04/10/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	22.00	14	21.00	57.00
16	VTS516	Nguyễn Thanh Trúc	14/07/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	24.00	18	25.00	67.00
17	VTS517	Nguyễn Thanh Trúc	29/11/2015	Nữ	TH Hải Tân	22.00	18	18.50	58.50
18	VTS518	Lưu Đức Trung	23/04/2015	Nam	TH Ngọc Châu	22.00	10	23.50	55.50
19	VTS519	Nguyễn Đức Trung	26/08/2015	Nam	TH Nguyễn Trãi	24.00	10	23.00	57.00
20	VTS520	Đỗ Minh Trung	19/10/2015	Nam	TH Tô Hiệu	29.50	10	20.00	59.50
21	VTS521	Hoàng Thành Trung	03/01/2015	Nam	TH Hải Tân	29.50	10	27.50	67.00
22	VTS522	Lê Thành Trung	07/02/2015	Nam	TH Sao Mai	31.50	18	26.00	75.50

Phòng số 22

Sĩ số: 22 thí sinh

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Trường Tiểu học	Toán	Tiếng Anh	Tiếng Việt	Tổng điểm
1	VTS523	Nguyễn Thành Trung	23/09/2015	Nam	TH Hải Tân	23.50	10	21.50	55.00
2	VTS524	Nguyễn Thành Trung	24/09/2015	Nam	TH Bình Minh	24.50	8	21.00	53.50
3	VTS525	Nguyễn Mạnh Trường	14/09/2015	Nam	TH Lý Tự Trọng	17.00	8	13.00	38.00
4	VTS526	Đào Ngọc Trường	04/06/2015	Nam	TH Lý Tự Trọng	24.00	12	28.50	64.50
5	VTS527	Nguyễn Thủy Vân	26/04/2015	Nữ	TH Sao Mai	25.00	12	32.50	69.50
6	VTS528	Nguyễn Ngọc Tường Vi	26/01/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	31.00	16	31.50	78.50
7	VTS529	Nguyễn Tuấn Việt	14/05/2015	Nữ	TH Nguyễn Trãi	34.00	14	29.00	77.00
8	VTS530	Lê Văn Quốc Việt	14/01/2015	Nam	TH Phú Lương	18.00	12	18.00	48.00
9	VTS531	Đông Công Vinh	22/08/2015	Nam	TH Hải Tân	35.50	12	24.50	72.00
10	VTS532	Nguyễn Đức Vinh	12/08/2015	Nam	TH Hải Tân	24.00	6	20.00	50.00
11	VTS533	Đặng Nhật Vương	28/09/2015	Nam	TH Newton	26.50	16	28.50	71.00
12	VTS534	Vũ Bảo Vy	15/01/2015	Nữ	TH Lý Tự Trọng				0.00
13	VTS535	Nguyễn Hà Vy	03/04/2015	Nữ	TH Sao Mai	31.50	12	30.00	73.50
14	VTS536	Trần Hà Vy	22/10/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	14.50	8	22.00	44.50
15	VTS537	Nguyễn Ngọc Bảo Vy	21/01/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	3.00	12	24.00	39.00
16	VTS538	Nguyễn Ngọc Vy	04/08/2015	Nữ	TH Phú Lương	4.00	4	18.00	26.00
17	VTS539	Nguyễn Tường Vy	24/07/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	25.50	4	28.50	58.00
18	VTS540	Nguyễn Thảo Vy	18/12/2015	Nữ	Tiểu học Đinh Văn Tà	24.50	8	29.50	62.00
19	VTS541	Nguyễn Thị Khánh Vy	15/08/2015	Nữ	TH Ngọc Châu	24.50	14	31.00	69.50
20	VTS542	Tăng Bảo Yến	17/08/2015	Nữ	TH Tô Hiệu	18.50	12	31.00	61.50
21	VTS543	Lê Hải Yến	20/11/2015	Nữ	TH Võ Thị Sáu	14.50	14	22.50	51.00
22	VTS544	Vũ Hoàng Yến	07/05/2015	Nữ	TH Tân Hưng	14.50	12	16.00	42.50

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG

